

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2017/HSPT

Ngày: 26.9.2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
*Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

**Các Thẩm phán:**

1. Ông Phạm Lâm Đồng

2. Bà Võ Phương Nhi

**- Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Ông Trần Uyên Vũ – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:**  
Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26.9.2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 148/2017/HSPT ngày 27.7.2017 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 35/2016/HSST ngày 29.4.2016 của Tòa án nhân dân quận T.

Bị cáo kháng cáo:

**TRẦN HÙNG T**, sinh năm 1982.

Đăng ký thường trú: tổ 4, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A.

Dân tộc Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: không; Học vấn 4/12

Con ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị G.

Tiền án:

+ Ngày 18.12.2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh A xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong ngày 02.01.2005.

+ Ngày 31.5.2007 bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong ngày 05.6.2008.

Tiền sự: không.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam công an tỉnh B. Có mặt tại phiên toà.

**NHẬN THẤY**

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17.01.2009, Trần Hùng T và Trần Phước H đi từ thành phố L, tỉnh A đến quán cà phê L thuộc ấp V, xã V, huyện V, thành phố C để gặp Đoàn Văn P. Tại đây P cho biết bà Nguyễn Thị U là người ở gần nhà P thường ngày đi gom tiền hụi từ 16 đến 17 giờ nên cả nhóm bàn bạc thống nhất đi cướp tiền của bà U để chia nhau tiêu xài

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, thấy bà Út trên đường đi thu tiền hụi về, P điều khiển xe mô tô chở T đuổi bám theo. Đến đoạn đường vắng, P áp sát xe vào cho T giật túi xách của bà U đang móc trên xe mô tô rồi điều khiển xe chạy về hướng thành phố L. Sau khi giật được túi xách, T lấy điện thoại di động và số tiền 25.000.000 đồng, vứt bỏ túi xách. Sau khi gây án T bỏ trốn tại thành phố H.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2016/HSST ngày 29.4.2016 của Tòa án nhân dân quận T đã áp dụng điểm a, c và d khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20 và 53 Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Hùng T 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngày 29.4.2016, bị cáo kháng cáo xin tăng nặng hình phạt đối với chính bị cáo.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 99/2016/HSPT ngày 21.7.2016, Tòa án nhân dân thành phố C quyết định: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm. Tuyên bố Trần Hùng T phạm tội “Cướp giật tài sản”; áp dụng điểm a, c và d khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20 và 53 Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Hùng T 09 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C báo cáo đề nghị giám đốc thẩm bản án hình sự phúc thẩm số 99/2016/HSPT ngày 21.7.2016 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Tại kháng nghị số 40/QĐ-VC3-V1 ngày 31.3.2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố H đã quyết định kháng nghị bản án hình sự phúc thẩm số 99/2016/HSPT ngày 21.7.2016 của Tòa án nhân dân thành phố C, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố H xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy bản án nêu trên để xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 36/2017/HS-GĐT ngày 07.6.2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố H đã quyết định: chấp nhận kháng nghị số 40/QĐ-VC3-V1 ngày 31.3.2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố H, hủy toàn bộ bản án hình sự phúc thẩm số 99/2016/HSPT ngày 21.7.2016 của Tòa án nhân dân thành phố C để xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác.

## XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin tăng hình phạt tù do mức án đã tuyên là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo thừa nhận án sơ thẩm đã xét xử đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hình phạt đã tuyên là tương xứng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự không cho phép xét xử theo hướng bất lợi cho bị cáo nếu không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng nặng. Do vậy, kháng cáo của bị cáo trong trường hợp này là không có căn cứ để chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã đảm bảo tuân thủ quy định về tố tụng.

Xét đơn kháng cáo của bị cáo đã được làm trong hạn luật định nên chấp nhận đơn hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: bị cáo kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt với lý do hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên là nhẹ so với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Qua xem xét, đối chiếu các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án thấy phù hợp nhau, có đủ cơ sở để quy kết bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm a, c và d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự do bị cáo đã cấu kết cùng các bị cáo khác đi xe mô tô giật túi xách của bị hại để chiếm đoạt tiền chia nhau tiêu xài, phạm tội thuộc trường hợp có tổ chức, dùng thủ đoạn nguy hiểm và tái phạm nguy hiểm.

Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải để giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình cũng như áp dụng Điều 53 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt trong trường hợp đồng phạm là đã vận dụng đầy đủ các quy định của pháp luật. So với quy định của khung hình phạt đã truy tố đối với bị cáo có mức án từ 03 năm đến 10 năm tù thì hình phạt đã tuyên là tương xứng.

Hơn nữa, căn cứ khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự quy định Tòa án cấp phúc thẩm chỉ được quyền sửa án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo trong trường hợp Viện Kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo yêu cầu. Việc chỉ có bị cáo kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt tù cho chính mình thuộc trường hợp pháp luật không cho phép vì gây bất lợi cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo mà giữ nguyên hình phạt như án sơ thẩm đã tuyên.

Các quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị nên đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: điểm a, c và d khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20 và 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Hùng T 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
( Đã ký )

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**